

Số: /QĐ-BQLDA Ninh Thuận, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Công bố công khai dự toán thu, chi năm 2025
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận và được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định của UBND tỉnh Ninh Thuận: Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 24/02/2017, Quyết định số 57a/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 và Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 30/5/2017;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận và điều chỉnh tại Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 16/01/2024;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2023 – 2025 đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận, về việc phê duyệt dự toán thu, chi năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận (*Theo biểu số 2 đính kèm Quyết định này*)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký; Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Công khai tại CQ và trang web;
- BQL (LĐ, KT, VT).

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Tân

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQLDA ngày tháng 01 năm 2025
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông)

Đơn vị tính: đồng.

Stt	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6
A	PHẦN THU (DỰ TOÁN THU)				
I	Tổng thu	8.725.897.298	8.725.897.298		
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	-	-		
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	8.725.897.298	8.725.897.298		
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)	-	-		
4	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị (nếu có)	-	-		
5	Nguồn Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có)	-	-		
II	Nguồn chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	757.600.000	757.600.000	-	
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III) = (I) – (II) + (d)	8.368.297.298	7.968.297.298	400.000.000	
1	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ (nếu có) (a)	-	-	-	
2	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi thường xuyên (c)	7.968.297.298	7.968.297.298	-	
3	Nguồn NSNN cấp cho chi không thường xuyên (nếu có) (b)	-	-	-	
4	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi không thường xuyên (nếu có) (d)	400.000.000		400.000.000	
B	PHẦN CHI (DỰ TOÁN CHI)				

Stt	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6
I	Chi thường xuyên giao tự chủ (≤ c)	7.968.297.298	7.968.297.298	-	
1	Tiền lương	3.511.810.760	3.511.810.760		
2	Các khoản phụ cấp lương	131.976.000	131.976.000		
3	Các khoản trích nộp theo lương	752.325.889	752.325.889		
4	Khen thưởng	306.941.076	306.941.076		
5	Phúc lợi	200.000.000	200.000.000		
6	Thanh toán dịch vụ công cộng	576.000.000	576.000.000		
7	Mua vật tư văn phòng	216.000.000	216.000.000		
8	Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc	324.000.000	324.000.000		
9	Hội nghị	60.000.000	60.000.000		
10	Thanh toán công tác phí	744.000.000	744.000.000		
11	Thuê mướn	150.000.000	150.000.000		
12	Đoàn đi C/tác nước ngoài	-	-		
13	Đoàn vào	-	-		
14	Sửa chữa thường xuyên TS	360.000.000	360.000.000		
15	Khác (Trong đó kinh phí tổ chức cơ sở đảng là 24.526.424 đồng)	396.000.000	396.000.000		
16	Dự phòng	239.243.573	239.243.573		
II	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ, nếu có (chi tiết theo nội dung nhiệm vụ) (= a)	-	-	-	
III	Chi không thường xuyên	400.000.000	-	400.000.000	
1	Chi không thường xuyên nguồn NSNN cấp (=b)	-	-	-	
1.1	Đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	
1.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	-	-	-	
1.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	
1.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)	-	-	-	

Stt	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6
1.5	Khác	-	-	-	
2	Chi không thường xuyên theo quy định từ Quỹ (=d)	400.000.000	-	400.000.000	
2.1	Đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	
2.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	150.000.000	-	150.000.000	
2.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	150.000.000	-	150.000.000	
2.4	Thực hiện tình gián biên chế (nếu có)	-	-	-	
2.5	Khác	100.000.000	-	100.000.000	